TOÀ ÁN NHÂN DÂN **THỊ XÃ HƯƠNG TRÀ** TỈNH THỪA THIÊN HUẾ	**CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**
Số: 09 /2019/ QĐST-HNGĐ	*Hương Trà, ngày 20 tháng 02 năm 2019*

QUYẾT ĐỊNH
CÔNG NHẬN THUẬN TÌNH LY HÔN VÀ SỰ THỎA THUẬN CỦA CÁC ĐƯƠNG SỰ

Căn cứ vào Điều 212, Điều 213 và khoản 4 Điều 397 của Bộ luật tố tụng dân sự;

Căn cứ vào Điều 55, 57, 81, 82, 83 Luật hôn nhân và gia đình;

Căn cứ Luật Phí và Lệ phí năm 2015;

Căn cứ Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án;

Sau khi nghiên cứu hồ sơ việc dân sự thụ lý số 130/2018/TLST - HNGĐ ngày 27 tháng 12 năm 2018 về việc "yêu cầu công nhận thuận tình ly hôn", gồm những người tham gia tố tụng sau đây:

- *Người yêu cầu giải quyết việc dân sự:*

- Anh Nguyễn Ngọc D, sinh năm 1980.

- Chị Nguyễn Thị N, sinh năm 1983.

Cùng địa chỉ: Thôn T, xã H, thị xã H, tỉnh Thừa Thiên Huế.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

[1] Về quan hệ hôn nhân: Anh Nguyễn Ngọc D và chị Nguyễn Thị N thuận tình ly hôn. Xét việc thuận tình ly hôn của anh D, chị N trong biên bản ghi nhận sự tự nguyện ly hôn và hòa giả thành ngày 12 tháng 02 năm 2019 là hoàn toàn tự nguyện và không vi phạm điều cấm của luật, không trái đạo đức xã hội nên cần công nhận sự thuận tình ly hôn của anh D, chị N.

[2] Về con chung: Anh Nguyễn Ngọc D và chị Nguyễn Thị N có 03 người con chung tên là: Nguyễn Ngọc Anh K, sinh ngày 27/5/2003; cháu Nguyễn Ngọc DK, sinh ngày 27/01/2005; cháu Nguyễn Ngọc Anh D, sinh ngày 28/5/2012. Anh D, chị N thỏa thuận giao cả 03 con cho chị Nguyễn Thị N trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng đến khi các con đủ 18 tuổi; anh Nguyễn Ngọc D có nghĩa vụ cấp dưỡng cho con như sau:

Cấp dưỡng cho cháu Nguyễn Ngọc Anh K, Nguyễn Ngọc DK mỗi tháng mỗi cháu là 1.500.000đồng (một triệu năm trăm nghìn đồng) kể từ tháng 02/2019 cho đến khi cháu K, DK đủ 18 tuổi;

Cấp dưỡng cho cháu Nguyễn Ngọc Anh D mỗi tháng 2.000.000đồng (hai triệu đồng) kể từ tháng 02/2019 cho đến khi cháu Dủ đủ 18 tuổi.

Việc thỏa thuận của anh D, chị N là tự nguyện và phù hợp với nguyện vọng của con nên được chấp nhận.

[3] Về tài sản chung, nợ chung: Anh Nguyễn Ngọc D và chị Nguyễn Thị N khai vợ chồng không có tài sản chung, nợ chung nên Tòa án không xem xét giải quyết.

[4] Về lệ phí Toà án: Anh Nguyễn Ngọc D và chị Nguyễn Thị N phải chịu 300.000 đồng tiền lệ phí giải quyết ly hôn.

Đã hết thời hạn 07 ngày, kể từ ngày lập Biên bản hòa giải đoàn tụ không thành, không có đương sự nào thay đổi ý kiến về sự thoả thuận đó.

QUYẾT ĐỊNH:

1. Công nhận thuận tình ly hôn và sự thỏa thuận của các đương sự cụ thể như sau:

- Về quan hệ hôn nhân: Anh Nguyễn Ngọc D và chị Nguyễn Thị N thuận tình ly hôn.

- Về con chung: Giao cả 03 con là: Nguyễn Ngọc Anh K, sinh ngày 27/5/2003; Nguyễn Ngọc DK, sinh ngày 27/01/2005; Nguyễn Ngọc Anh D, sinh ngày 28/5/2012 cho chị Nguyễn Thị N trực tiếp nuôi dưỡng cho đến khi các con đủ 18 tuổi, anh Nguyễn Ngọc D có nghĩa vụ cấp dưỡng cho con như sau:

Cấp dưỡng cho cháu Nguyễn Ngọc Anh K, Nguyễn Ngọc DK mỗi tháng mỗi cháu là 1.500.000đồng (một triệu năm trăm nghìn đồng) kể từ tháng 02/2019 cho đến khi cháu K, DK đủ 18 tuổi;

Cấp dưỡng cho cháu Nguyễn Ngọc Anh D mỗi tháng 2.000.000đồng (hai triệu đồng) kể từ tháng 02/2019 cho đến khi cháu Dủ đủ 18 tuổi.

Sau khi ly hôn, người không trực tiếp nuôi con có quyền, nghĩa vụ thăm nom con mà không ai được cản trở.

- Về tài sản chung và nợ chung: Anh Nguyễn Ngọc D và chị Nguyễn Thị N không yêu cầu nên Toà án không giải quyết.

2. Về lệ phí ly hôn: Anh Nguyễn Ngọc D và chị Nguyễn Thị N phải chịu 300.000đồng (Ba trăm nghìn đồng) lệ phí ly hôn sơ thẩm nhưng được trừ vào số tiền anh D, chị N đã nộp tạm ứng lệ phí 300.000đồng theo Biên lai số 9893 ngày 26/12/2018 của Chi cục Thi hành án dân sự thị xã Hương Trà. Anh D, chị N đã nộp đủ.

3. Kể từ khi có đơn yêu cầu thi hành án, nếu bên phải thi hành án không chịu thi hành các khoản tiền nói trên thì hàng tháng bên phải thi hành án còn phải chịu một khoản lãi suất quy định tại khoản 2 Điều 468 Bộ luật dân sự.

4. Trường hợp Quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự, người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thoả thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo qui định tại các Điều 6, 7 và 9 Luật thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

5. Quyết định này có hiệu lực pháp luật ngay sau khi được ban hành và không bị kháng cáo, kháng nghị theo thủ tục phúc thẩm.

Nơi nhận:
- *TAND tỉnh TT. Huế;*
- *VKSND TX. Hương Trà;*
- *Chi cục THADS TX. Hương Trà;*
- *UBND xã Hương Phong;*
- *Các đương sự;*
- *Lưu hồ sơ.*

THẨM PHÁN

Lê Hữu Nam